

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ N
TỈNH QUẢNG N**

Bản án số: 93/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-5-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung, tài sản chung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ N, TỈNH QUẢNG N**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Trình Minh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Thanh.

2. Bà Võ Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1993, trú tại: Thôn Khánh Thịnh, xã Tam Th, huyện Phú N, tỉnh Quảng N, có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Quốc V, sinh năm 1992, trú tại: Thôn Trung Đàn, xã Đ, huyện Phú N, tỉnh Quảng N, có mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty tài chính TNHH HD SAIGON (gọi tắt Cty HD Sài Gòn) địa chỉ: Tầng 8, 9, 10 Tòa nhà Gilimex, số 24C Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, do ông Nguyễn Hữu Nhân – Chức vụ: Tổng giám đốc làm đại diện. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Chuyên viên pháp lý tổ tụng, bà Hạnh có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh V tự nguyện tìm hiểu, xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Phú N, tỉnh Quảng N vào ngày 06/6/2013. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V ngoại tình, đánh đập vợ. Trước đây anh V cũng đã nộp đơn xin ly hôn 1 lần nhưng sau đó anh V rút đơn nhưng về chung sống cuộc sống không thay đổi. Cách đây vài hôm anh V

chặn đường đánh chị, lấy tài sản của chị. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh V, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị xin được ly hôn với anh V.

Về con chung: có 01 cháu tên là Phạm Hoàng Nhật Linh, sinh ngày 26/8/2013. Cháu Linh hiện nay đang ở với chị. Giả sử ly hôn chị nhận nuôi cháu Linh đến tuổi thành niên. Tại phiên tòa chị Th rút yêu cầu về nội dung anh V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.300.000 đồng;

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ngày 28/02/2018 vợ chồng chị có mua một chiếc xe máy Exciter tại cửa hàng xe máy Tiến Thu, Tam Kỳ. Anh V là người đứng tên mua, số tiền mua trả trước là 15.050.000 đồng, vay lại 34.600.000 đồng tại Cty HD Sài Gòn để trả tiền cho cửa hàng xe máy Tiến Thu. Sau đó, vợ chồng chị bán chiếc xe này với số tiền 30.000.000 đồng. Số tiền trên chị giữ 10.000.000 đồng, anh V giữ 20.000.000 đồng. Sau đó anh V mua lại 01 chiếc xe Sirius (không nhớ rõ biển số) số tiền 15.000.000 đồng. Được hơn 1 tháng thì bán lại số tiền 12.500.000 đồng. Số tiền này anh V đưa cho chị 5.000.000 đồng, số tiền còn lại anh V. Số tiền còn nợ tại Cty HD Sài Gòn thì mỗi người trả một nửa.

- Bị đơn anh Phạm Quốc V trình bày:

Anh và chị Th tự nguyện tìm hiểu, xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Phú N, tỉnh Quảng N vào ngày 06/6/2013. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp nhau, thỉnh thoảng nóng giận anh có đánh vợ. Trước đây anh đã nộp đơn xin ly hôn 1 lần rồi, sau đó rút đơn nhưng về cuộc sống chung vợ chồng không có gì thay đổi. Vì giữa vợ chồng có những mâu thuẫn nên vừa qua anh có nóng tính và chặn đường chị Th. Anh Thấy việc làm này là sai trái. Nay chị Th xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: có 01 cháu tên là Phạm Hoàng Nhật Linh, sinh ngày 26/8/2013. Cháu Linh hiện nay đang ở với chị Th, từ nhỏ đến nay cháu Linh ở nhà ngoại. Giả sử ly hôn anh đồng ý giao cháu Linh cho chị Th nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ngày 28/02/2018 vợ chồng anh có mua một chiếc xe máy Exciter tại cửa hàng xe máy Tiến Thu, Tam Kỳ. Anh là người đứng tên mua, số tiền mua trả trước là 15.050.000 đồng, vay lại 34.600.000 đồng tại Cty HD Sài Gòn để trả tiền cho cửa hàng xe máy Tiến Thu. Sau đó, vợ chồng anh bán chiếc xe này với số tiền 30.000.000 đồng. Số tiền trên anh giữ 20.000.000 đồng, chị Th giữ 10.000.000 đồng. Sau đó anh mua lại 01 chiếc xe Sirius (không nhớ rõ biển số) số tiền 15.000.000 đồng. Được hơn 1 tháng thì bán lại xe Sirius này số tiền 12.500.000 đồng. Số tiền này anh đưa cho chị Th 5.000.000 đồng và trả nợ cho chị Th số tiền 2.000.000 đồng. Số tiền còn nợ tại ngân hàng HD Sài Gòn thì anh đồng ý với chị Th là mỗi người trả một nửa.

- Tại bản tự khai, bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 28/02/2018, ông Phạm Quốc V đã ký Đề nghị cấp tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 2W009673923 (Hợp đồng tín dụng) với Cty HD Sài Gòn để vay mua trả góp xe máy nhãn hiệu YAMAHA EXCITER 150, biển kiểm soát 92L1-249.35, số khung 0610JY648069, số máy G3D4E674988 với số tiền vay là 34.600.000 (ba mươi bốn triệu, sáu trăm nghìn) đồng, lãi suất vay 4,67%/tháng. Theo hợp đồng tín dụng, ông V có trách nhiệm thanh toán số tiền 54.744.706 (năm mươi bốn triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn, bảy trăm lẻ sáu) đồng bao gồm tiền gốc và tiền lãi trong 23 tháng; 22 tháng đầu mỗi tháng thanh toán 2.426.815 (hai triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn, tám trăm mười lăm) đồng, tháng cuối cùng thanh toán 1.354.776 (một triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm bảy mươi sáu) đồng. Kỳ thanh toán đầu tiên vào ngày 15/3/2018 và kỳ thanh toán cuối cùng vào ngày 15/01/2020.

Từ khi vay, ông V đã thanh toán cho Cty HD Sài Gòn 08 lần với tổng số tiền là 17.899.000 (mười bảy triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn) đồng, trong đó bao gồm: tiền gốc đã thanh toán 8.180.175 đồng, tiền lãi đã thanh toán 8.869.570 đồng, tiền lãi quá hạn đã thanh toán 849.255 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông V đã chậm thực hiện nghĩa vụ nên phát sinh lãi quá hạn, cụ thể: kỳ thứ 6 phát sinh lãi quá hạn là 339.624 đồng; kỳ thứ 7 phát sinh lãi quá hạn là 339.754 đồng; kỳ thứ 8 phát sinh lãi quá hạn là 832.013 đồng.

Kể từ thời điểm xảy ra vi phạm, Cty HD Sài Gòn đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu ông V thanh toán số tiền theo thỏa thuận. Tuy nhiên, ông V không thanh toán và còn nợ số tiền là 36.241.583 (ba mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi một nghìn, năm trăm tám mươi ba) đồng, trong đó bao gồm: tiền gốc chưa thanh toán 26.419.825 đồng, tiền lãi chưa thanh toán 6.445.933 đồng, tiền lãi quá hạn chưa thanh toán 3.375.825 đồng.

Nay Cty HD Sài Gòn yêu cầu Tòa án buộc ông V thanh toán một lần toàn bộ số tiền là 36.241.583 (ba mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi một nghìn, năm trăm tám mươi ba) đồng. Cty HD Sài Gòn rút lại yêu cầu đề nghị Tòa án phát mãi tài sản là xe máy là tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số 2W009673923 theo văn bản số 190304-01/COL-HDSAIGON ngày 04/3/2019. Buộc ông V phải chịu lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày Cty HD Sài Gòn có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông V không thanh toán số tiền nêu trên thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú N tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu Th: theo đó ghi nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa chị Th, anh V; về con chung giao cháu Linh cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Về nợ chung mỗi người trả một nửa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cty HD Sài Gòn đã được Tòa án nhân dân huyện Phú N triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Nguyễn Thị Thu Th và anh Phạm Quốc V tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Phú N, tỉnh Quảng N vào ngày 06/6/2013 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Phạm Quốc V thì thấy, trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau. Trước đây cuộc sống chung không hạnh phúc nên anh V cũng đã nộp đơn xin ly hôn một lần nhưng sau đó đoàn tụ về chung sống. Thời gian gần đây, mâu thuẫn vợ chồng anh chị ngày càng lớn hơn. Anh V thiếu sự quan tâm vợ con, anh cũng thừa nhận lúc nóng nảy anh có đánh chị Th, anh có chặn đường chị Th và anh thừa nhận việc làm của mình là sai trái. Chị Th và anh V đã không chung sống với nhau, phần ai người nấy sống, không ai quan tâm đến ai, tình cảm không còn. Do đó chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh V.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh chị không muốn đoàn tụ. Chị Th cương quyết xin ly hôn, còn anh V thì đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa chị Th và anh V đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị Th và anh V thuận tình ly hôn, đây là sự thỏa thuận tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng chị Th và anh V có 01 con chung là cháu Phạm Hoàng Nhật Linh, sinh ngày 26/8/2013. Hiện nay cháu Linh đang ở với chị Th. Khi ly hôn chị Th có nguyện vọng nhận nuôi cháu Linh đến tuổi thành niên. Tại phiên tòa chị Th và anh V thỏa thuận giao cháu Linh cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp, đây là sự thỏa thuận tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tại phiên tòa Chị Th không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi cháu Linh là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản: Chị Th và anh V đều khai là không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Th và anh V đều thừa nhận khoản nợ chung của Cty HD Sài Gòn là 36.241.583 (ba mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi một nghìn, năm trăm tám mươi ba) đồng. Xét thấy, vợ chồng anh V, chị Th đều thừa nhận đây là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân và anh V, chị Th thỏa thuận với nhau mỗi người phải có trách

nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ nêu trên. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận. Theo đó, công nhận sự thỏa thuận của anh V và chị Th mỗi người phải thanh toán cho Cty HD Sài Gòn một nửa số tiền nợ nêu trên, cụ thể 36.241.583 đồng : 2 = 18.120.791 đồng.

Đối với yêu cầu của Cty HD Sài Gòn rút lại yêu cầu đề nghị Tòa án phát mãi tài sản là xe máy là tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số 2W009673923 theo văn bản số 190304-01/COL-HDSAIGON ngày 04/3/2019 là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu Th.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Phạm Quốc V.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Phạm Quốc V: giao con chung là cháu Phạm Hoàng Nhật Linh, sinh ngày 26/8/2013 cho chị Nguyễn Thị Thu Th trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), anh Phạm Quốc V không phải đóng góp nuôi con chung.

Các bên có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Phạm Quốc V, chị Th, anh V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tài chính HD SAIGON số tiền 36.241.583 đồng, chia ra mỗi người thanh toán số tiền là 18.120.791 (mười tám triệu, một trăm hai mươi nghìn, bảy trăm chín mốt) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: - Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003480, ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú N, tỉnh Quảng N. Chị Th đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Th, anh V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- VKSND huyện Phú N;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trình Minh Hùng